

HUT - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Quý III Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1,094,155,828,149	1,103,563,764,613
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		57,308,415,198	79,918,871,489
1. Tiền	111	V.01	16,052,578,040	28,615,371,489
2. Các khoản tương đương tiền	112		41,255,837,158	51,303,500,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	53,054,219,751	83,017,324,103
1. Đầu tư ngắn hạn	121		53,054,219,751	83,017,324,103
2. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		679,168,926,559	699,173,659,443
1. Phải thu khách hàng	131		335,169,785,469	331,814,333,825
2. Trả trước cho người bán	132		325,594,515,426	343,994,056,075
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xd	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	18,946,640,048	23,907,283,927
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(542,014,384)	(542,014,384)
IV. Hàng tồn kho	140		129,888,882,510	106,332,310,463
1. Hàng tồn kho	141	V.04	129,888,882,510	106,332,310,463
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		174,735,384,131	135,121,599,115
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		76,170,381	296,142,711
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		89,385,229,757	75,640,551,197
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05	396,904,364	1,124,703,943
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		84,877,079,629	58,060,201,264
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		1,895,615,937,928	1,550,950,695,618
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		1,775,212,593,159	1,489,314,590,039
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	28,864,555,404	24,283,207,507
- Nguyên giá	222		43,777,453,069	36,687,179,863
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(14,912,897,665)	(12,403,972,356)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	1,830,472,933	2,204,809,627
- Nguyên giá	225		3,696,827,727	3,696,827,727
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(1,866,354,794)	(1,492,018,100)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	627,892,201	288,610,039
- Nguyên giá	228		1,074,950,888	601,639,888
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(447,058,687)	(313,029,849)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1,743,889,672,621	1,462,537,962,866
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	97,077,352,980	59,161,532,980
1. Đầu tư vào công ty con	251		76,017,352,980	40,541,532,980
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14,880,000,000	11,440,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		6,180,000,000	7,180,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		23,325,991,789	2,474,572,599
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	23,001,517,713	1,791,457,632
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		324,474,076	683,114,967
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2,989,771,766,077	2,654,514,460,231
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2,489,791,547,771	2,181,266,844,864
I. Nợ ngắn hạn	310		1,004,833,463,647	1,076,954,487,324
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	212,644,735,166	383,809,238,736
2. Phải trả người bán	312		35,460,466,732	30,491,979,857
3. Người mua trả trước	313		207,778,608,740	169,620,662,851
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	7,725,140,644	5,688,403,133
5. Phải trả người lao động	315		1,883,400,191	2,438,381,304
6. Chi phí phải trả	316	V.17	43,157,950,148	33,066,013,540
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	495,551,511,669	450,920,967,698
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		631,650,357	918,840,205
II. Nợ dài hạn	330		1,484,958,084,124	1,104,312,357,540
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		644,573,410,954	420,138,750,000

TÀI SẢN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	839,739,078,109	683,303,351,328
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		184,662,675	184,662,675
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		460,932,386	685,593,537
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400		499,980,218,306	473,247,615,367
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	499,980,218,306	473,247,615,367
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		349,976,000,000	349,976,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		72,257,032,987	72,292,032,987
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch giá đánh lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		18,579,801,777	6,013,460,624
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6,192,450,606	2,496,467,914
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		52,974,932,936	42,469,653,842
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		2,989,771,766,077	2,654,514,460,231

TÀI SẢN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
---------	-------------	-------------	------------	------------

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	01		2,103,739,050	2,103,739,050
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		459,575,032	459,575,032
5. Ngoại tệ các loại	05			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06			

Lập, ngày 25 tháng 10 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhàn

Phạm Văn Lương

HUT - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Quý III Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	152,758,639,314	172,934,190,383	513,596,116,772	470,808,606,967
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	5,839,929,308	745,411,819	46,502,801,052	1,085,949,545
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	146,918,710,006	172,188,778,564	467,093,315,720	469,722,657,422
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	133,995,053,076	158,757,897,880	392,173,496,276	413,056,232,377
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12,923,656,930	13,430,880,685	74,919,819,444	56,666,425,046
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	4,222,964,090	4,191,361,888	18,792,451,470	9,966,636,021
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	888,306,677	1,132,413,285	1,310,500,370	7,466,519,642
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		<i>388,306,677</i>	<i>1,132,413,285</i>	<i>735,500,370</i>	<i>6,716,519,642</i>
8. Chi phí bán hàng	24		1,705,369,130	1,294,087,500	5,459,473,225	4,026,245,388
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6,582,719,434	2,527,730,768	17,234,337,028	18,878,126,767
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		7,970,225,779	12,668,011,020	69,707,960,291	36,262,169,270
11. Thu nhập khác	31		600,003,016	9,215,325,387	1,727,571,800	36,470,531,600
12. Chi phí khác	32		337,549,976	6,857,838,967	1,159,475,847	14,561,384,606
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		262,453,040	2,357,486,420	568,095,953	21,909,146,994
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8,232,678,819	15,025,497,439	70,276,056,244	58,171,316,263
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	1,241,787,809	3,742,002,381	15,299,123,308	14,449,452,234
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		6,990,891,010	11,283,495,058	54,976,932,936	43,721,864,029
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		200	711	1,571	3,060

Lập, ngày 25 tháng 10 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhàn

Phạm Văn Lương

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh
 Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
 Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính
Quý III năm tài chính 2011

Mẫu số B 03a - DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT

Quý III Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		492,129,199,414	466,913,020,643
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(488,896,281,942)	(1,103,707,161,489)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16,737,141,286)	(12,839,585,444)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(59,740,431,251)	(23,966,990,977)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(13,272,473,689)	(5,731,767,161)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		109,034,942,690	736,878,248,255
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(74,610,051,399)	(168,641,551,832)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(52,092,237,463)	(111,095,788,005)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(91,140,072,352)	(251,112,666,471)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	683,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(30,344,162,842)	(1,399,730,291,400)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		29,310,000,000	1,447,530,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(3,440,000,000)	(22,525,506,831)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn góp vào các đơn vị khác	26		500,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13,933,596,350	9,097,525,039
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(81,180,638,844)	(216,057,939,663)
III - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	312,913,449,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		484,917,832,024	258,315,761,458
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(350,347,891,513)	(285,034,264,261)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(549,717,300)	(135,475,815)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23,357,803,195)	(3,735,438,250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		110,662,420,016	282,324,032,132
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(22,610,456,291)	(44,829,695,536)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		79,918,871,489	153,911,317,912
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		57,308,415,198	109,081,622,376

Lập, ngày 25 tháng 10 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhàn

Phạm Văn Lương

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tasco được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 26 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 27 tháng 07 năm 2007. Do công ty chuyển trụ sở chính lên Hà Nội nên Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021321 lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 27/8/2010.

Vốn điều lệ của Công ty là 349.976.000.000 đồng.

Công ty được cấp giấy phép niêm yết Cổ phiếu theo Quyết định số 125/QĐ-TTGDHN ngày 04/04/2008 do Giám đốc Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội ký, chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Tasco. Ngày 04/04/2008, Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội).

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 33 Tòa nhà M5 – Số 91 Nguyễn Chí Thanh – Phường Láng Hạ - Quận Đống Đa – Thành phố Hà Nội.

2- Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp, dịch vụ

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật. San lấp mặt bằng;
- Xây lắp điện, nước;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;
- Mua bán, cho thuê, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Dịch vụ du lịch, nhà hàng, ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh phát triển nhà ở; kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh;
- Xây dựng công trình điện (nhiệt điện, thủy điện);
- Sản xuất điện;
- Đại lý bán điện;
- Kinh doanh, khai thác công trình kết cấu hạ tầng;
- Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Kinh doanh bãi đỗ xe và gara.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là xây dựng các công trình hạ tầng cơ sở: Giao thông, thủy lợi, XD dân dụng, xây lắp điện, kinh doanh phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản, dịch vụ thu gom xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác... , các công trình này được đầu tư chủ yếu bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Khối lượng xây lắp hoàn thành sau khi giữ lại % bảo hành công trình được thanh toán theo kế hoạch vốn ngân sách hàng năm, dẫn đến các khoản phải thu từ khách hàng lớn. Khối lượng xây lắp hoàn thành khi quyết toán có thể bị cắt giảm làm xuất hiện các khoản giảm trừ doanh thu ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh.

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1- Kỳ kế toán **Quý bắt đầu từ ngày 01 của tháng đầu quý kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng cuối quý.**

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng: Thực hiện theo Quyết định số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần TASCO có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại **ngày 30 tháng 09 năm 2011** cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập các báo cáo tài chính này, Ban lãnh đạo Công ty đã phải:

- Tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành; Bao gồm:

- 1- Chuẩn mực số 01 - Chuẩn mực chung;
- 2- Chuẩn mực số 02 - Hàng tồn kho;
- 3- Chuẩn mực số 03 - Tài sản cố định hữu hình;
- 4- Chuẩn mực số 04 - Tài sản cố định vô hình;
- 5- Chuẩn mực số 06 - Thuê tài sản.
- 6- Chuẩn mực số 07 – Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- 7- Chuẩn mực số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.
- 8- Chuẩn mực số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái;
- 9- Chuẩn mực số 15 - Hợp đồng xây dựng;
- 10- Chuẩn mực số 16 - Chi phí đi vay;
- 11- Chuẩn mực số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- 12- Chuẩn mực số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng;
- 13- Chuẩn mực số 21 - Trình bày báo cáo tài chính;
- 14- Chuẩn mực số 23 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- 15- Chuẩn mực số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- 16- Chuẩn mực số 25 - BCTC hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con;
- 17- Chuẩn mực số 26 - Thông tin về các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

- 18- Chuẩn mực số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- 19- Chuẩn mực số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.
- 20- Chuẩn mực số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Hệ thống kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện và chế độ kế toán hiện hành tính đến **ngày 30 tháng 09 năm 2011**.

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần TASCO xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc **ngày 30 tháng 09 năm 2011**.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu trữ và trình bày hợp lý, đầy đủ để có thể phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính này tuân thủ theo các nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận tại Việt Nam. Ban lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

3- Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với Đồng Việt Nam, nếu có, được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng, chi phí sản xuất trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty phản ánh các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp cho các công trình xây dựng cơ bản chưa hoàn thành tại thời điểm kết thúc các niên độ kế toán.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng giá thành phẩm của các công trình xây dựng được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì vào cuối kỳ kế toán năm, được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
2. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
3. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
4. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Tài sản hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế, Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó.

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ vô hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do tài sản đó mang lại;
2. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
3. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
4. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người đi thuê. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Giá trị phải khấu hao của TSCĐ hữu hình được phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng. Phương pháp khấu hao áp dụng là phương pháp khấu hao đường thẳng. Số khấu hao của từng kỳ được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chúng được tính vào giá trị của các tài sản khác, như: Khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho các hoạt động trong giai đoạn triển khai là một bộ phận chi phí cấu thành nguyên giá TSCĐ vô hình (theo quy định của chuẩn mực TSCĐ vô hình), hoặc chi phí khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho quá trình tự xây dựng hoặc tự chế các tài sản khác.

Giá trị phải khấu hao của TSCĐ vô hình được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính hợp lý của nó. Phương pháp khấu hao áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng. Việc trích khấu hao được bắt đầu từ ngày đưa TSCĐ vô hình vào sử dụng.

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được phân bổ và hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

trong suốt thời gian thuê của tài sản. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê tài chính được ước tính phù hợp với thời gian sử dụng ước tính và thời gian thuê của tài sản cố định hữu hình.

4- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con là các khoản vốn góp chiếm tỷ lệ trên 50% trong tổng số vốn điều lệ của công ty con, Công ty mẹ có quyền chi phối về các chính sách tài chính, về các hoạt động của công ty con. Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tasco được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của công ty mẹ, Các khoản lợi nhuận nhận được từ hoạt động của các công ty con sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo riêng của công ty mẹ khi có thông báo của HĐQT các công ty con về việc phân chia lợi nhuận.

Tại thời điểm ngày **30 tháng 09 năm 2011** Công ty đã góp vốn thành lập năm (05) công ty con bằng giá trị các tài sản cố định được đánh giá lại và giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ, tiền mặt.

Thông tin chi tiết về công ty con như sau:

TT	Tên công ty	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu vốn của công ty mẹ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh
1.	Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	Hà Nội	51,00	51,00	Xây lắp
2.	Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	Nam Định	51,00	51,00	Xây lắp
3.	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	51,00	51,00	Xây lắp
4.	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100	100	Dịch vụ
5.	Công ty Cổ phần Tasco Thủ đô	Hà Nội	51,00	51,00	KD, MG bất động sản

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được xác định theo giá gốc.

5- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay phải ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực số 16. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: các chi phí phát sinh cho các công cụ dụng cụ được đưa vào sử dụng. Chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

- Chi phí khác bao gồm: chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản phát sinh trong kỳ được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ tuyến tính vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ 2-3 năm.

7- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí phải trả bao gồm: các khoản lãi vay, tiền lương, chi phí văn phòng phải trả chưa phát sinh thanh toán đã được tính toán chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy đảm bảo phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh. Việc trích trước các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ để đảm bảo khi các khoản chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh.

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

- Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý, nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện xảy ra, sự giảm sút về lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại, tại ngày kết thúc năm tài chính.

9- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp cổ phần và được bổ xung từ chia cổ phiếu thưởng theo nghị quyết của đại hội cổ đông.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với Đồng Việt Nam, nếu có, được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối được trình bày trên báo cáo tài chính là số lãi của doanh nghiệp bao gồm cả lãi từ đầu tư vào các công ty con sau khi đã trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay và các khoản điều chỉnh do sai sót trọng yếu của năm trước.

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và quyền lợi đã được chuyển cho người mua, Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, và đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của việc cung cấp dịch vụ tại ngày báo cáo. Tỷ lệ hoàn thành được xác định thông qua nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận khi khả năng thu tiền, ước tính hợp lý các chi phí của việc bán hàng hay khả năng hàng bán bị trả lại là không chắc chắn.

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Doanh thu tài chính được ghi nhận trên cơ sở tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định khi khối lượng hoàn thành hợp đồng xây dựng được ước tính hợp lý. Việc xác định doanh thu của hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy doanh thu của hợp đồng xây dựng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ. Doanh thu và chi phí hợp đồng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành hợp đồng. Tỷ lệ hoàn thành được xác định thông qua nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện. Lỗ ước tính của hợp đồng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngay khi phát sinh.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Chi phí lãi vay tài chính phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh một phần, phần còn lại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình có sử dụng vốn vay đó.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%. Lợi nhuận chịu thuế được ước tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận cho mục đích tính thuế. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về mức thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: đồng

1 - Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền mặt	564.665.277	932.157.849
- Tiền gửi ngân hàng	15.487.912.763	25.183.213.640
- Tiền đang chuyển	0	2.500.000.000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	41.255.837.158	51.303.500.000
Cộng	57.308.415.198	79.918.871.489
2 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Đầu tư ngắn hạn khác	53.054.219.751	83.017.324.103
<i>Trong đó: Tiền gửi có kỳ hạn</i>	40.054.219.751	40.864.032.703
Cộng	53.054.219.751	83.017.324.103
3 - Các khoản phải thu ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	0	2.239.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

- Phải thu khác	18.946.640.048	21.668.283.927
Cộng	18.946.640.048	23.907.283.927

4 - Hàng tồn kho	Cuối kỳ	Đầu năm
- Công cụ, dụng cụ	415.964.466	523.170.046
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	129.472.918.044	105.809.140.417
Cộng giá gốc hàng tồn kho	129.888.882.510	106.332.310.463

Nguyên vật liệu tồn kho chủ yếu là cát, đá, xi măng, sắt thép nhập về phục vụ thi công công trình chưa sử dụng hết trong kỳ tài chính được quản lý tại kho công trường; công cụ dụng cụ tồn kho chủ yếu là vật tư luân chuyển.

5 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Cuối kỳ	Đầu năm
- Thuế GTGT nộp thừa	6.504.864	734.304.443
- Các khoản phải thu Nhà nước	390.399.500	390.399.500
Cộng	396.904.364	1.124.703.943

8 - Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

(Phụ lục 01)

9 - Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

(Phụ lục 02)

10 - Tăng giảm tài sản cố định vô hình

(Phụ lục 03)

11 - Xây dựng cơ bản dở dang	Cuối kỳ	Đầu năm
- Dự án trụ sở Công ty, VP cho thuê Pháp Vân	16.874.910.494	5.736.216.873
- Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 10	284.657.777.988	242.803.320.117
- Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 21	278.880.910.674	233.469.963.798
- Dự án Đường Lê Đức Thọ	278.892.544.778	196.782.751.062
- Dự án rác thải	1.848.690.817	1.848.690.817
- Dự án thủy điện	1.616.199.622	1.616.199.622
- Dự án Đơn vị ở số 1	8.670.582.226	8.397.680.138
- Dự án Đơn vị ở số 2	51.753.310.413	31.341.719.375
- Dự án Đơn vị ở số 3	347.305.397.830	309.019.971.762

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

- Dự án Khu đô thị mới Vân Canh - Hoài Đức	470.210.458.681	425.344.278.317
- Dự án Khu đất 48 Trần Duy Hưng	1.157.506.033	635.554.374
- Dự án hiện đại hóa trạm thu phí Tân Độ	379.527.184	4.786.786.408
- Dự án khác	1.641.855.881	754.830.203
Cộng	1.743.889.672.621	1.462.537.962.866

Trong kỳ, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án “Hiện đại hóa trạm Tân Độ” giảm do Công ty hạch toán tăng tài sản cố định đối với giá trị XDCB hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

13 - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Đầu tư vào công ty con	76.017.352.980	40.541.532.980
- Đầu tư vào công ty liên kết	14.880.000.000	11.440.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	6.180.000.000	7.180.000.000
Cộng	97.077.352.980	59.161.532.980

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con:				
1. Công ty TNHH MTV Tasco 6	5.000	50.000.000	5.000	50.000.000
2. Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	306.000	3.060.000.000	306.000	3.060.000.000
3. Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	5.332.582	53.325.820.000	1.785.000	17.850.000.000
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	1.785.000	17.850.000.000	1.785.000	17.850.000.000
5. Công ty Cổ phần Tasco Thủ đô	173.153	1.731.532.980	173.153	1.731.532.980
Cộng	7.601.735	76.017.352.980	4.054.153	40.541.532.980

b) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết

1. - Công ty CP Tasco Xuân Ngọc	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
2. - Công ty CP Tasco Thăng Long	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
3. - Công ty CP Tasco 10	353.000	3.530.000.000	353.000	3.530.000.000
4. - Công ty CP Tasco 3	66.000	660.000.000	66.000	660.000.000
5. - Công ty CP Tasco Trường Phát	224.000	2.240.000.000	224.000	2.240.000.000
- Công ty CP ĐT và XD Trường				
6. Giang	180.000	1.800.000.000	36.000	360.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

7.	- Công ty CPĐT và XD Tiến Phát	105.000	1.050.000.000	105.000	1.050.000.000
8	- Công ty CP D - Tech	200.000	2.000.000.000		
	Cộng	1.488.000	14.880.000.000	1.144.000	11.440.000.000

c) Đầu tư dài hạn khác

- Đầu tư dài hạn khác	618.000	6.180.000.000	718.000	7.180.000.000
Cộng	618.000	6.180.000.000	718.000	7.180.000.000

Số dư đầu tư dài hạn khác tại ngày **30/09/2011** của Công ty là giá trị đầu tư góp vốn vào một số công ty khác với tỷ lệ cổ phần sở hữu dưới 20% .

14 - Chi phí trả trước dài hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí trả trước dài hạn	23.001.517.713	1.791.457.632
Cộng	23.001.517.713	1.791.457.632

15 - Vay và nợ ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vay ngắn hạn	207.568.607.177	376.583.393.447
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	61.571.424.719	76.141.928.184
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội	46.266.599.298	67.752.824.001
+ Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	69.780.097.528	77.823.641.262
+ Ngân hàng TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	29.350.485.632	11.515.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Mỹ Đình	600.000.000	
+ Vay đối tượng khác	0	143.350.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	5.076.127.989	7.225.845.289
Cộng	212.644.735.166	383.809.238.736

Trong đó:

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

Các khoản vay theo Công văn số 1456/TB-QHKH2 ngày 05/07/2011 của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định, mức dư nợ ngắn hạn tối đa là 153.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi ba tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2012. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2011 số 01/2011/HĐTDHM ngày 01/07/2011, mức dư nợ tối đa là 125.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2012. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội (ABBANK):

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 50.10/HĐTD/II.20 ngày 26/4/2010, mức dư nợ tối đa là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay của mỗi món vay được ghi trên giấy nhận nợ không quá 10 tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quy định của ABBANK, điều chỉnh 3 tháng/lần, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ tại thời điểm nhận nợ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty cam kết cầm cố/thế chấp cho ngân hàng quyền phải thu từ các hợp đồng thi công xây dựng các công trình được ABBANK chấp thuận.

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Dầu khí – Chi nhánh Thăng Long

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0022/HĐTDHM-GPBTLG/10 ngày 29/12/2010, mức dư nợ tối đa là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/1 lần vào ngày 10 hàng tháng và được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty thế chấp các khoản phải thu/quyền đòi nợ khách hàng của Công ty; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Thăng Long

Hợp đồng tín dụng hạn mức số SHBTL10112010 ngày 10/11/2010, mức dư nợ tối đa là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Các quyền đòi nợ chưa phát sinh hoặc đã phát sinh theo hợp đồng kinh tế đã được ký kết, Bên vay chưa thực hiện/đã thực hiện xong một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ bán/cung cấp hàng hóa/dịch vụ nhưng chưa được thanh toán hoặc đã được thanh toán một phần.

- Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Mỹ Đình

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 101.11.011.535265.TD ngày 03/08/2011, mức dư nợ là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 21%/năm, được điều chỉnh 3 tháng /lần kể từ ngày giải ngân. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Khoản phải thu theo hợp đồng số 06/2010/HĐ-XD ký ngày 17/06/2010 giữa UBND TP Phủ Lý – Hà Nam và CTCP Tasco.

16 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Cuối kỳ	Đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.629.351.709	5.602.702.090
- Thuế thu nhập cá nhân	95.788.935	85.701.043
Cộng	7.725.140.644	5.688.403.133

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

17 - Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Trích trước chi phí Trạm Tân Độ, Mỹ Lộc	33.390.746.211	26.302.976.181
- Chi phí phải trả	9.767.203.937	6.763.037.359
Cộng	43.157.950.148	33.066.013.540
18 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu năm
- Kinh phí công đoàn	873.094.166	507.934.542
- Bảo hiểm xã hội	0	
- Bảo hiểm y tế	262.197	
- Bảo hiểm thất nghiệp	0	
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	494.678.155.306	450.413.033.156
Cộng	495.551.511.669	450.920.967.698

Trong đó:

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác gồm khoản vay, góp vốn phục vụ dự án Khu đô thị mới Vân Canh – Hoài Đức – Hà Tây, các khoản phải trả đội thi công công trình, và một số khoản khác.

20 - Vay và nợ dài hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
a Vay dài hạn	838.848.565.522	682.412.838.741
- Vay ngân hàng	572.243.565.522	482.412.838.741
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	22.923.853.772	14.145.173.218
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội	24.884.406.409	16.546.780.182
+ Ngân hàng Phát triển VN - CN Nam Định	374.471.111.111	302.971.111.111
+ Ngân hàng Phát triển VN - Sở GD I	147.637.734.230	147.637.734.230
+ NH TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	1.875.400.000	479.000.000
+ NH TMCP Á Châu	218.660.000	312.440.000
+ NH TMCP An Bình - CN Hà Nội	232.400.000	320.600.000
- Vay đối tượng khác	91.600.000.000	
- Trái phiếu phát hành	175.005.000.000	200.000.000.000
b Nợ dài hạn	890.512.587	890.512.587
- Thuê tài chính	890.512.587	890.512.587

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

- Nợ khác

0

0

Cộng

839.739.078.109

683.303.351.328

Trong đó:

- Các khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 10/2008/HĐTDĐT ngày 20/8/2009, số tiền vay tối đa 236.780.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian trả nợ gốc 13 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất theo quy định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng.

+ Hợp đồng số 11/2008/HĐTDĐT tháng 9/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất theo quy định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội:

+ Hợp đồng số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, số tiền vay tạm tính (gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi) 33.820.000.000 đồng, thời hạn vay 7 năm, thời hạn trả nợ gốc 5 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900 – Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình. Lãi suất 03 tháng đầu tiên 15,8%/năm, lãi suất thay đổi 3 tháng/1 lần.

Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.

+ Hợp đồng số 01/2010/HĐTDTH ngày 25/06/2010, số tiền vay 74.396.000.000 đồng (gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi), thời hạn vay 46 tháng, thời gian ân hạn 22 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên nhưng tối đa không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay để thực hiện dự án: Xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ (điểm cuối giao với đường 70) theo hợp đồng Xây dựng – Chuyên giao (BT) số 68/HĐBT giữa UBND Huyện Từ Liêm và Công ty Cổ phần Tasco. Lãi suất vay áp dụng lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 3 tháng/ 1 lần, lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm nhận nợ vay là 14%/năm, lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo theo thông báo lãi suất trung dài hạn của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội tại thời điểm điều chỉnh.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Sở GD I:

+ Theo hợp đồng số 01/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 27/3/2009 và phụ lục hợp đồng số 01.01/2010/HĐSĐTĐĐT/NHPT.SGDI số tiền vay tối đa đầu tư giai đoạn I của dự án 364.000.000.000 đồng, thời hạn vay 46 tháng, mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70). Lãi suất 6,9%/năm, lãi suất quá hạn 10,35%.

-Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 6 tháng/1 lần chi tiết theo các khoản giải ngân.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

Trái phiếu phát hành: Số lượng 175.005 trái phiếu chuyển đổi mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu. Mục đích: Đầu tư vào các Dự án đơn vị ở số 3 và đơn vị ở số 2 – Khu đô thị mới Xuân Phương; dự án khu nhà ở Báo Nhân dân và Văn phòng Trung ương Đảng và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

22 - Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

(Phụ lục 04)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn góp của Tập đoàn PT nhà và đô thị - HUD	45.244.800.000	45.244.800.000
- Vốn góp của cổ đông khác	304.731.200.000	304.731.200.000
Cộng	349.976.000.000	349.976.000.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp tại ngày đầu kỳ</i>	349.976.000.000	135.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	0	214.976.000.000
+ <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	0	
+ <i>Vốn góp tại ngày cuối kỳ</i>	349.976.000.000	349.976.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0
d. Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34.997.600	34.997.600
<i>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu</i>		
e. Các quỹ của doanh nghiệp	Cuối kỳ	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	18.579.801.777	6.013.460.624
- Quỹ dự phòng tài chính	6.192.450.606	2.496.467.914
Cộng	24.772.252.383	8.509.928.538

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển hình thành từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh và được sử dụng cho mục đích đầu tư của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được hình thành từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh nhằm đề phòng những tổn thất, thiệt hại bất ngờ do những nguyên nhân khách quan, bất khả kháng mang lại và khi gặp rủi ro, thua lỗ trong kinh doanh đảm bảo cho doanh nghiệp hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

25 -	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý III - 2011	Quý III - 2010
	- Doanh thu hợp đồng xây dựng	141.769.252.041	163.437.863.760
	- Doanh thu trạm thu phí	10.989.387.273	9.496.326.623
	Cộng	152.758.639.314	172.934.190.383
26 -	Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý III - 2011	Quý III - 2010
	Trong đó:		
	- Giảm giá hàng bán	5.839.929.308	745.411.819
	- Hàng bán bị trả lại	0	
27 -	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV		
	- Doanh thu thuần	146.918.710.006	172.188.778.564
28 -	Giá vốn hàng bán	Quý III - 2011	Quý III - 2010
	- Giá vốn hoạt động xây lắp	131.385.980.830	150.882.037.880
	- Giá vốn trạm thu phí	2.609.072.246	7.875.860.000
	- Giá vốn hoạt động kinh doanh Bất động sản	0	
	Cộng	133.995.053.076	158.757.897.880
29 -	Doanh thu hoạt động tài chính	Quý III - 2011	Quý III - 2010
	- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.222.964.090	4.191.361.888
	- Doanh thu hoạt động tài chính khác	0	
	Cộng	4.222.964.090	4.191.361.888
30 -	Chi phí tài chính	Quý III - 2011	Quý III - 2010
	- Lãi tiền vay	388.306.677	1.132.413.285
	- Chi phí tài chính khác	500.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

	Cộng	888.306.677	1.132.413.285
31 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý III - 2011	Quý III - 2010	
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.241.787.809	3.742.002.381	
	Cộng	1.241.787.809	3.742.002.381

VII- Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Những khoản nợ khó đòi, những khoản nợ không có khả năng thu hồi đã được Công ty phân loại tuổi nợ, phân tích, đánh giá và trích lập dự phòng.

3. Thông tin liên quan:

Các giao dịch mua:	Quý III - 2011	Quý III - 2010
Công ty TNHH MTV TASCO 6	1.616.131.625	1.423.496.250
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái		
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	6.331.118.857	8.263.514.560
Công ty Cổ phần Xây dựng TASCO	51.497.671.072	38.502.710.350
Cộng	59.444.921.553	48.189.721.160

Các giao dịch bán:	Quý III - 2011	Quý III - 2010
Công ty TNHH MTV Tasco 6		
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	327.273	300.000
Công ty Cổ phần Xây dựng TASCO	209.323.636	615.658.000
Cộng	209.650.909	615.958.000

Các khoản phải thu khách hàng:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH MTV TASCO 6	876.669.535	889.873.002
Công ty Cổ phần Xây dựng TASCO	72.406.119.308	78.016.333.157
Công ty Cổ phần Tasco Thủ đô	277.368.145	
Cộng	73.560.156.988	78.906.206.159

Các khoản phải thu khác:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH MTV TASCO 6	255.056.321	255.056.321
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam		367.200.000
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái		1.244.971.102

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

Cộng	255.056.321	1.867.227.423
Các khoản phải trả người bán:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH MTV TASCO 6		3.628.203.645
Công ty Cổ phần Xây dựng TASCO	13.958.537.457	
Cộng	13.958.537.457	3.628.203.645
Trả trước cho người bán:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	20.564.377.729	12.631.687.905
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	13.830.301.083	16.200.000.000
Cộng	34.394.678.812	28.831.687.905

5. Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính của kỳ báo cáo kết thúc ngày 30/09/2010.

7. Những thông tin khác:

Lập, ngày 25 tháng 10 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhân

Phạm Văn Lương

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

Phụ lục 01: Tăng giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	21.391.658.240	5.148.014.514	6.800.264.245	3.347.242.864	0	36.687.179.863
Số dư tại ngày 01/01/2011	21.391.658.240	5.148.014.514	6.800.264.245	3.347.242.864	0	36.687.179.863
Tăng trong kỳ	0	224.545.455	2.992.770.363	4.654.165.452	0	7.871.481.270
Mua trong kỳ		224.545.455	2.417.770.363	4.654.165.452	0	7 296 481 270
Tăng khác	0	0	575.000.000	0	0	575 000 000
Giảm trong kỳ	0	206.208.064	575.000.000	0	0	781.208.064
Giảm thanh lý, nhượng bán	0	206.208.064	575 000 000	0	0	781 208 064
Số dư tại ngày 30/09/2011	21.391.658.240	5.166.351.905	9.218.034.608	8.001.408.316	0	43.777.453.069
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2011	4.532.603.360	4.330.769.499	2.288.884.910	1.251.714.587	0	12.403.972.356
Tăng trong kỳ	552.501.495	438.434.683	946.072.866	897.915.995	0	2.834.925.039
Khấu hao trong kỳ	552.501.495	438.434.683	946.072.866	897.915.995		2 834 925 039
Tăng khác	0	0		0	0	
Giảm trong kỳ	0	206.208.064	119.791.666	0	0	325.999.730
Giảm thanh lý, nhượng bán	0	206.208.064	119.791.666	0	0	325.999.730
Số dư tại ngày 30/09/2011	5.085.104.855	4.562.996.118	3.115.166.110	2.149.630.582	0	14.912.897.665
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2011	16.859.054.880	817.245.015	4.511.379.335	2.095.528.277	0	24.283.207.507
Tại ngày 30/09/2011	16.306.553.385	603.355.787	6.102.868.498	5.851.777.734	0	28.864.555.404

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 18.168.549.032 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.814.784.604 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

Phụ lục 02 : Tăng giảm TSCĐ thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2011	1.171.428.571	2.525.399.156	3.696.827.727
Tăng trong kỳ	0	0	0
Tăng khác			0
Giảm trong kỳ	0	0	0
Giảm khác			0
Số dư tại ngày 30/09/2011	1.171.428.571	2.525.399.156	3.696.827.727
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2011	185.577.244	1.306.440.856	1.492.018.100
Tăng trong kỳ	108.716.409	265.620.285	374.336.694
Khấu hao trong kỳ	108.716.409	265.620.285	374.336.694
Tăng khác			0
Giảm trong kỳ	0	0	0
Giảm khác			0
Số dư tại ngày 30/09/2011	294.293.653	1.572.061.141	1.866.354.794
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2011	985.851.327	1.218.958.300	2.204.809.627
Tại ngày 30/09/2011	877.134.918	953.338.015	1.830.472.933

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

Phụ lục 03: Tăng giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Nguyên giá TSCĐ vô hình	102.878.251	498.761.637	601.639.888
Số dư tại ngày 01/01/2011	102 878 251	498 761 637	601.639.888
Tăng trong kỳ		473.311.000	473.311.000
Mua trong kỳ		473 311 000	473.311.000
Giảm trong kỳ	0		0
Giảm khác			0
Số dư tại ngày 30/09/2011	102.878.251	972.072.637	1.074.950.888
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2011	17 152 248	295 877 601	313.029.849
Tăng trong kỳ	3.228.174	130.800.664	134.028.838
Khấu hao kỳ	3 228 174	130 800 664	134.028.838
Giảm trong kỳ	0		0
Giảm khác			0
Số dư tại ngày 30/09/2010	20.380.422	426.678.265	447.058.687
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2011	85.726.003	202.884.036	288.610.039
Tại ngày 30/09/2011	82.497.829	545.394.372	627.892.201

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2011

Phụ lục 04: Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2010	135.000.000.000	8.337.500.000	3.180.063.519	1.788.123.689	6.952.860.080	155.258.547.288
Tăng trong năm	214.976.000.000	63.954.532.987	2.833.397.105	708.344.225	73.919.653.843	356.391.928.160
Tăng vốn	214.976.000.000	63.954.532.987				278.930.532.987
Phân phối lợi nhuận			2.833.397.105	708.344.225		3.541.741.330
Lãi					73.919.653.843	73.919.653.843
Giảm trong năm					38.402.860.081	38.402.860.081
Phân phối lợi nhuận					38.402.860.081	38.402.860.081
Số dư tại ngày 31/12/2010	349.976.000.000	72.292.032.987	6.013.460.624	2.496.467.914	42.469.653.842	473.247.615.367
Số dư tại ngày 01/01/2011	349.976.000.000	72.292.032.987	6.013.460.624	2.496.467.914	42.469.653.842	473.247.615.367
Tăng trong năm	0	0	12.566.341.153	3.695.982.692	54.976.932.936	71.239.256.781
Lãi					54.976.932.936	54.976.932.936
Phân phối lợi nhuận			12.566.341.153	3.695.982.692		16.262.323.845
Giảm trong năm		35.000.000			44.471.653.842	44.506.653.842
Phân phối lợi nhuận					44.471.653.842	44.471.653.842
Giảm khác		35.000.000				35.000.000
Số dư tại ngày 30/09/2011	349.976.000.000	72.257.032.987	18.579.801.777	6.192.450.606	52.974.932.936	499.980.218.306